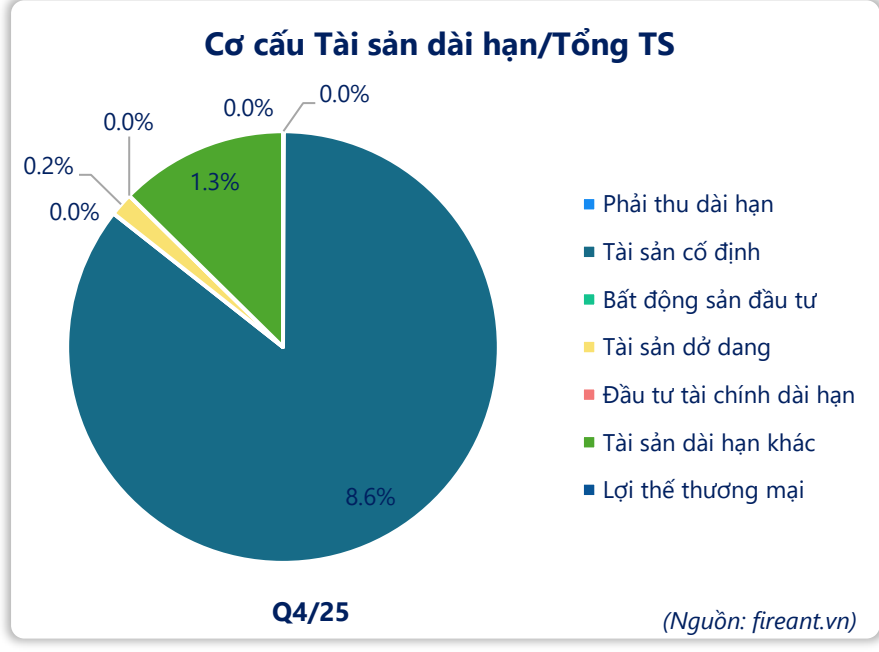
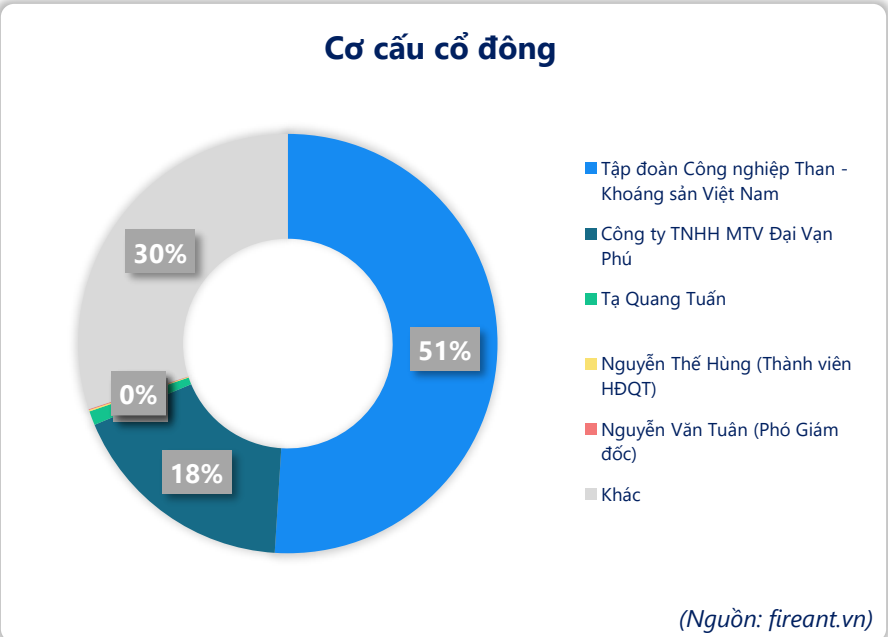
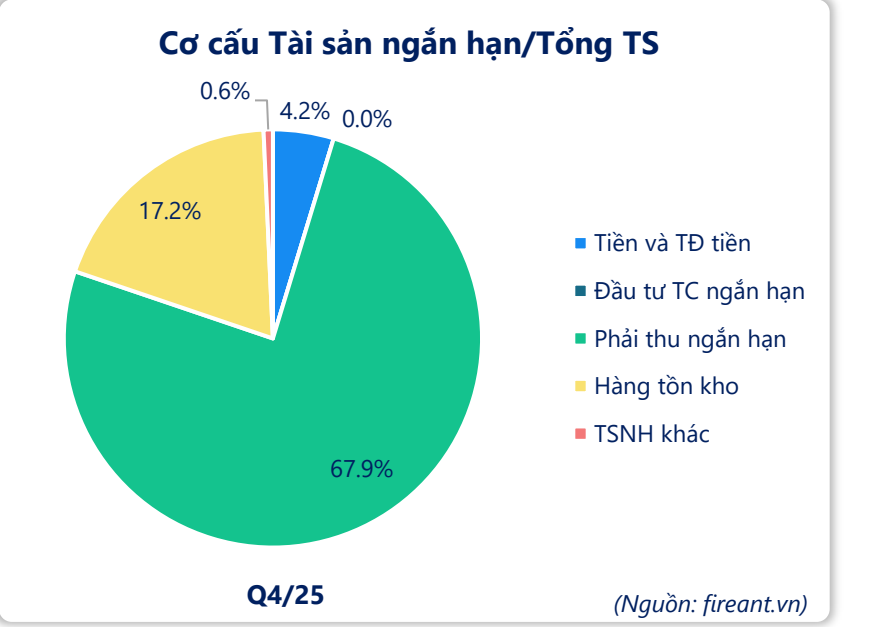
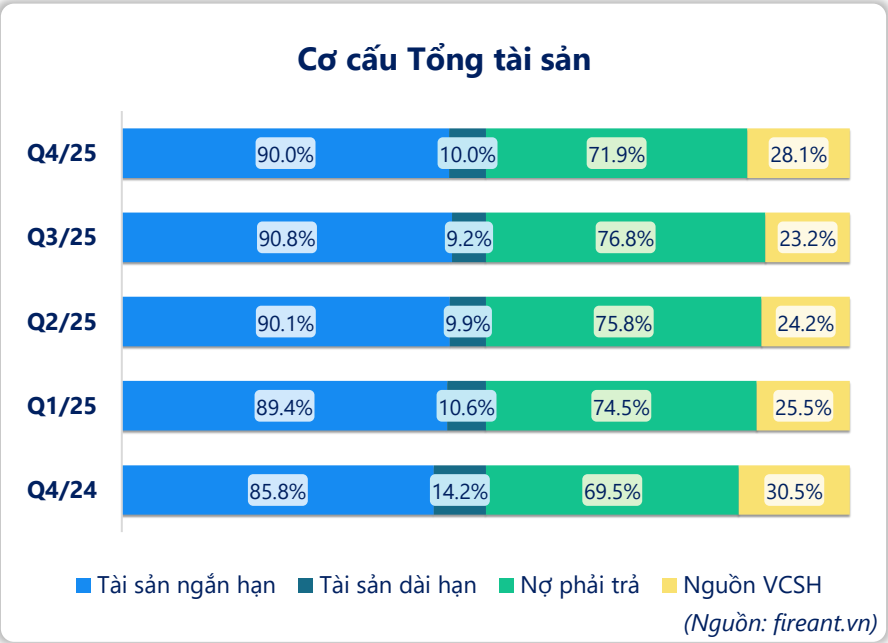
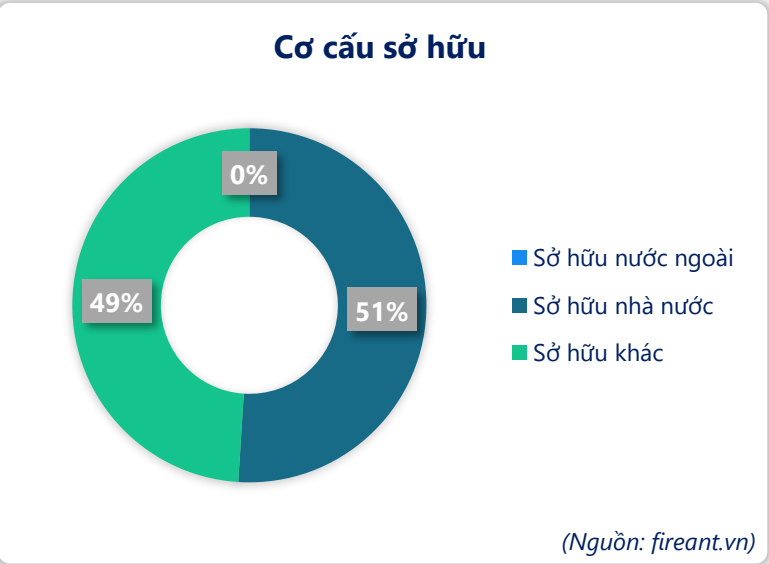
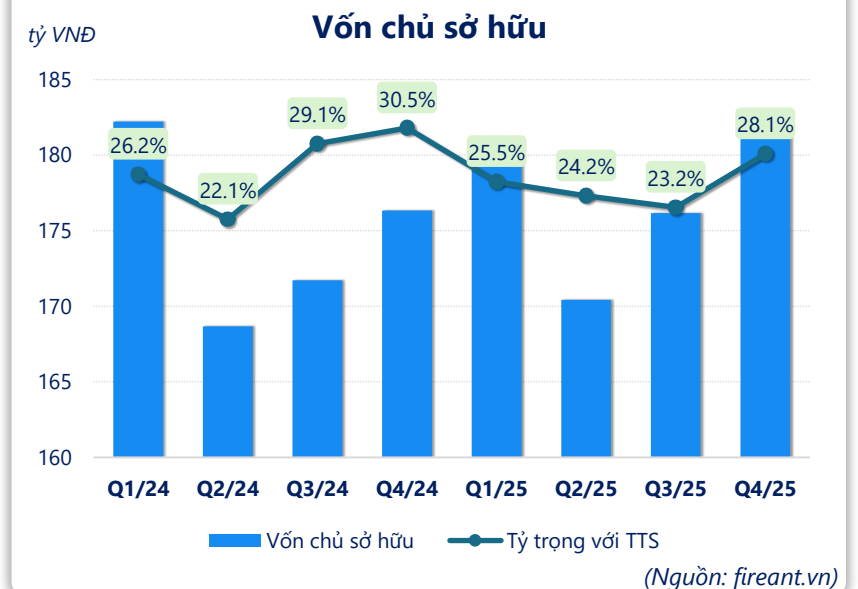
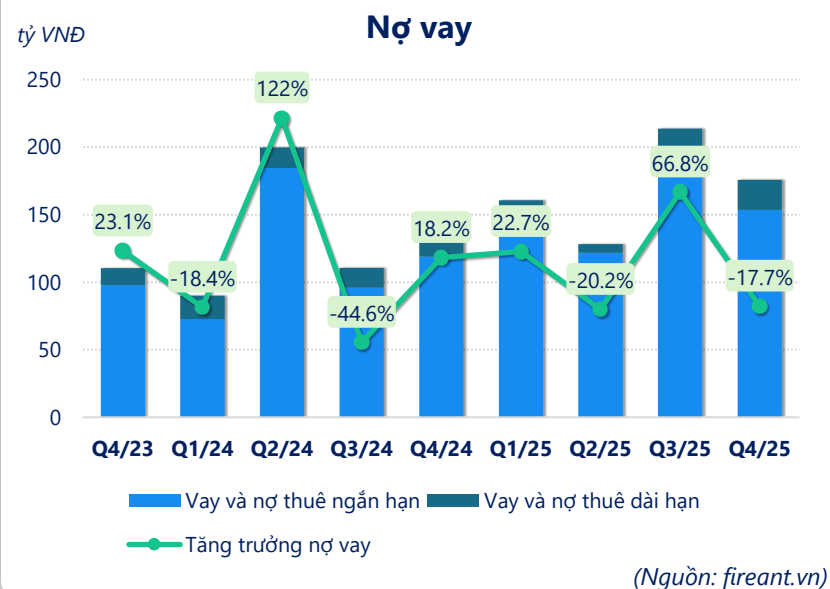
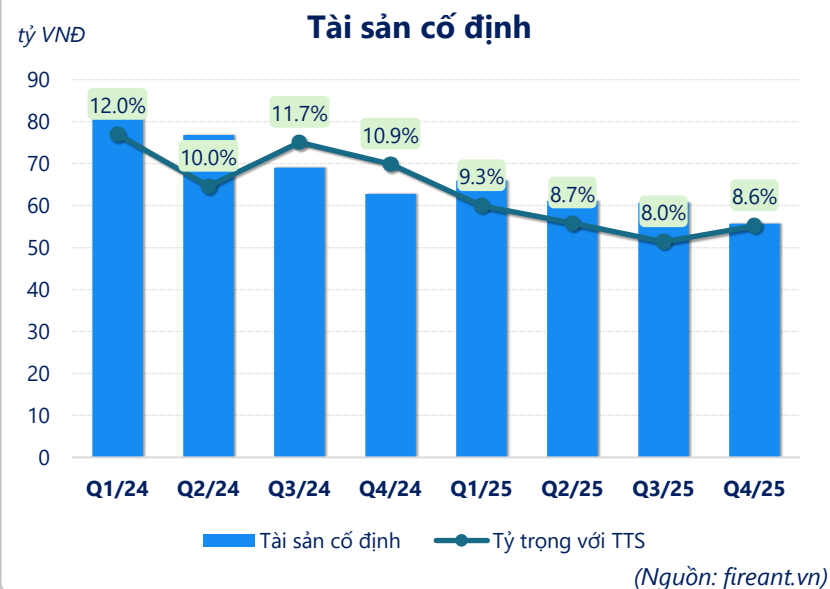
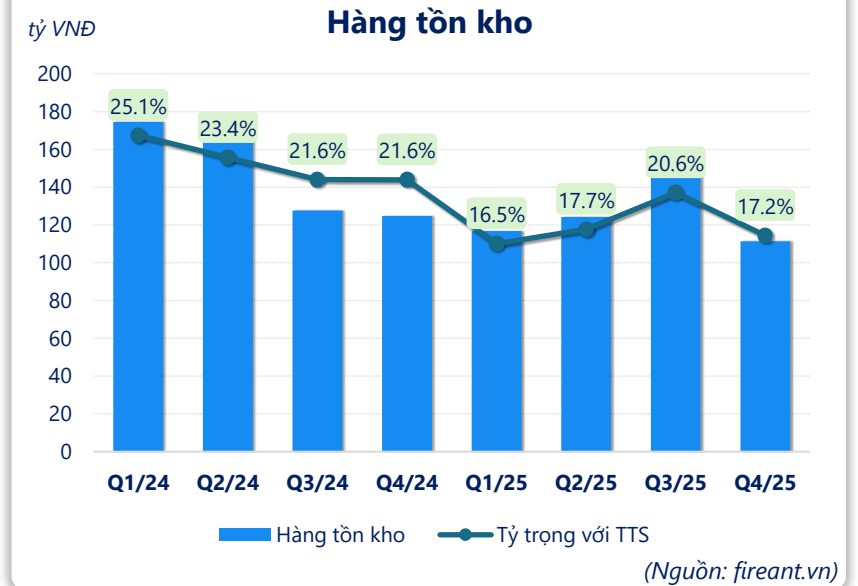
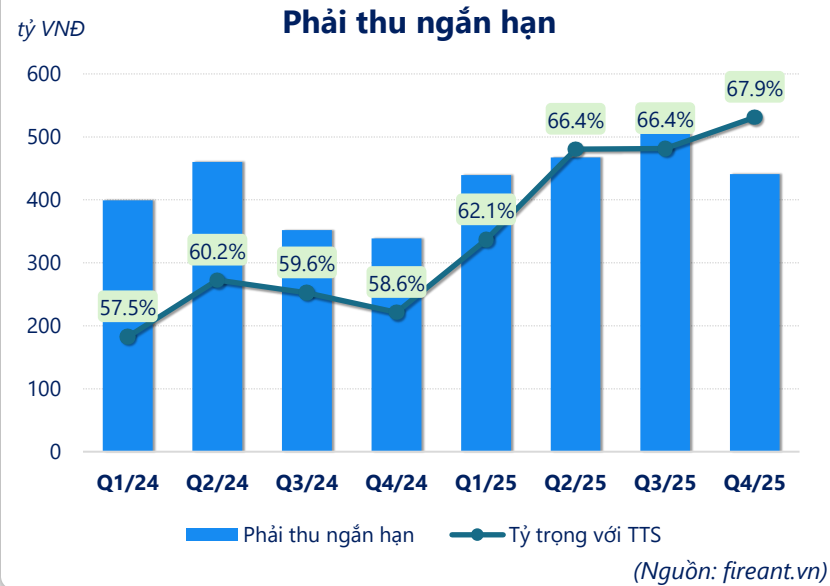
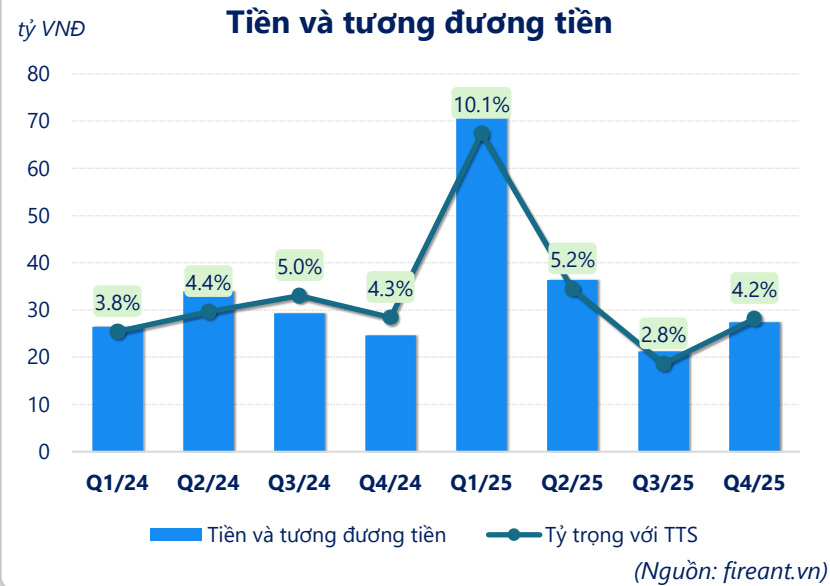
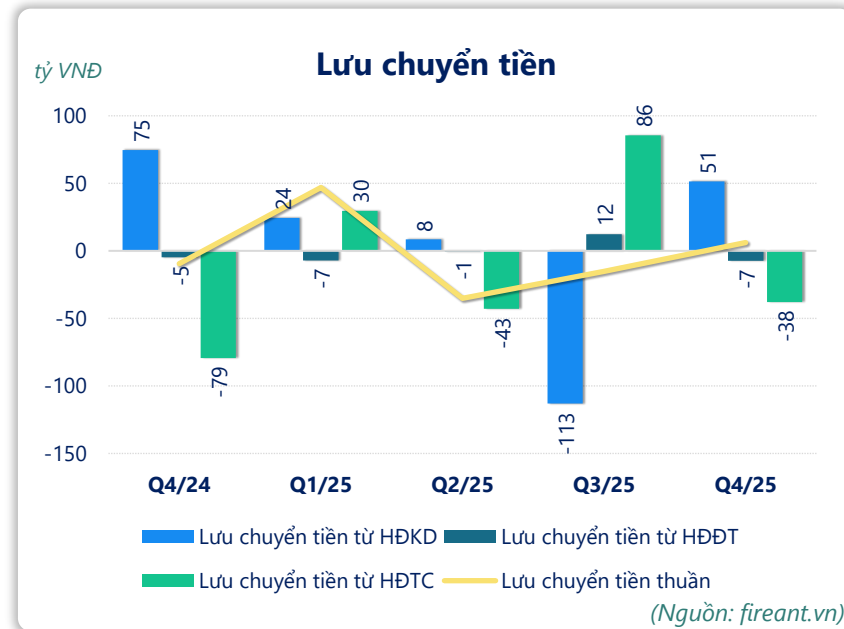
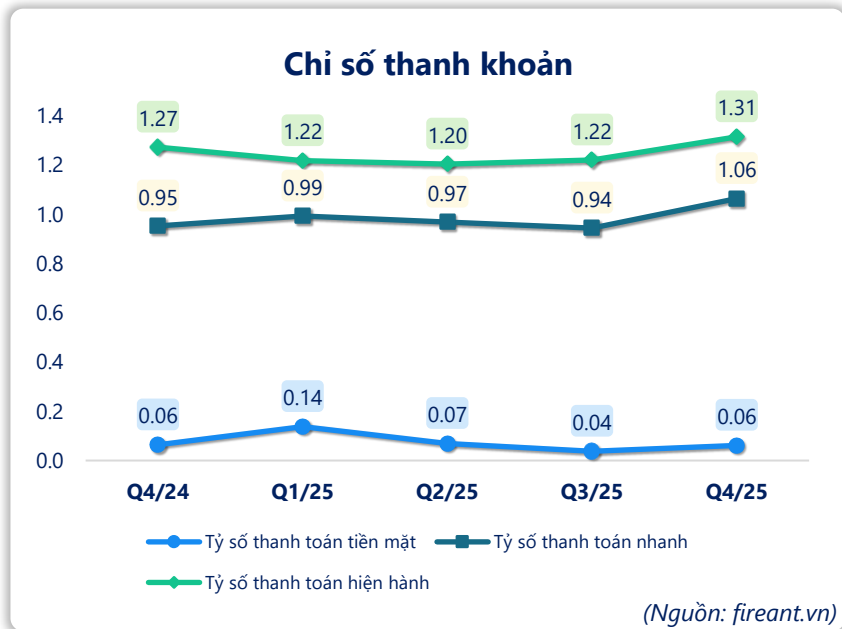
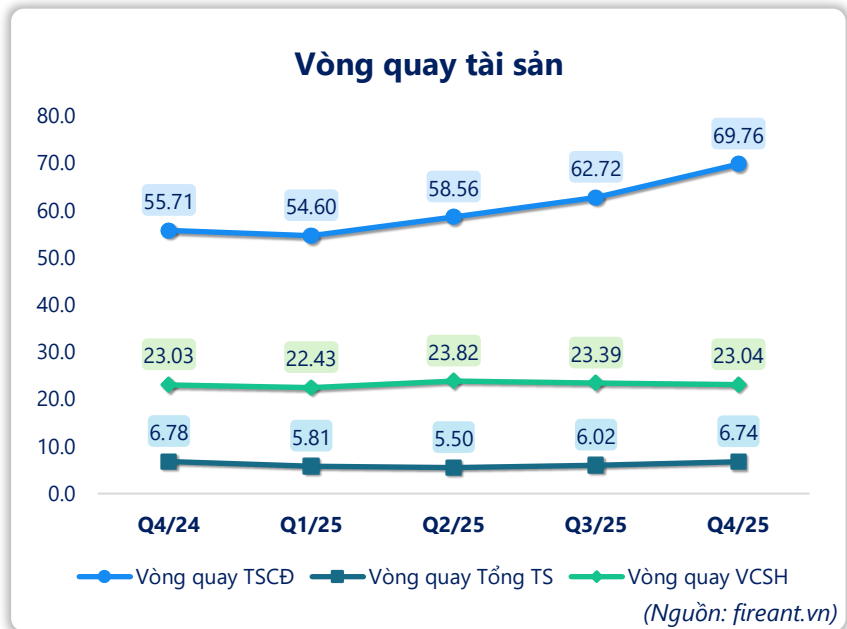
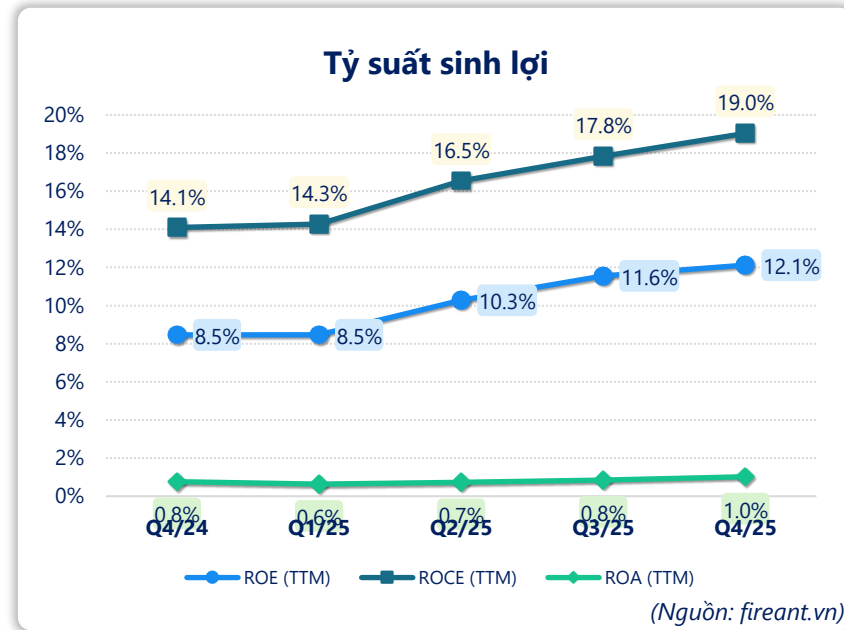
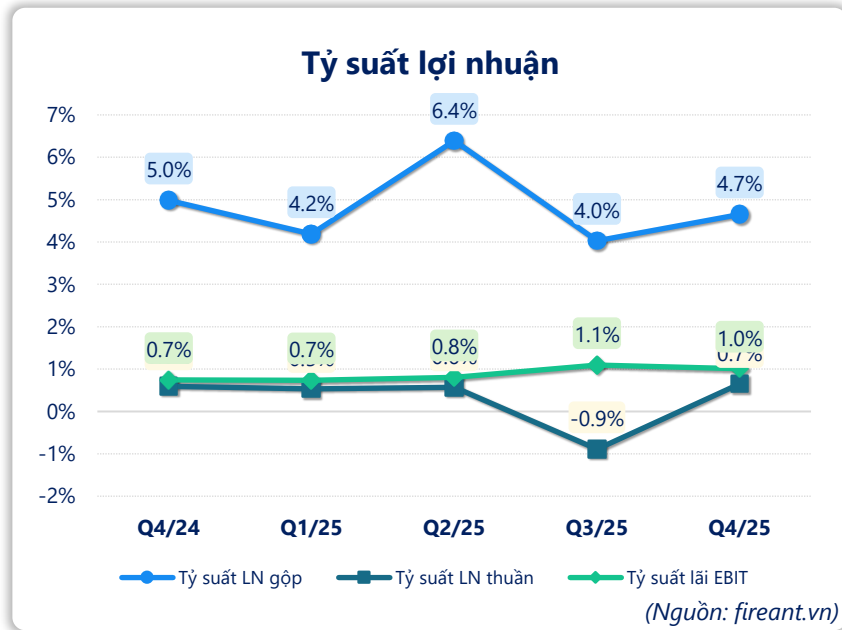
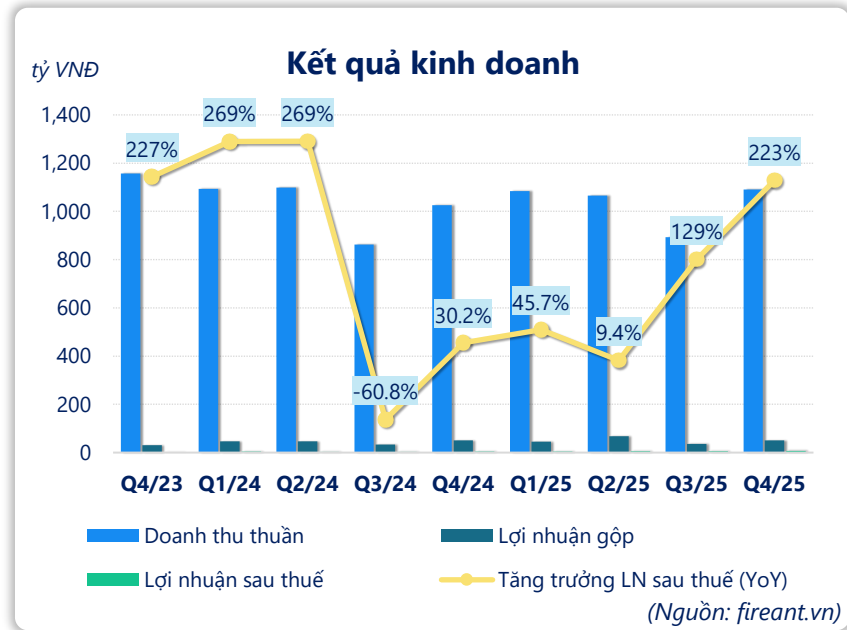


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,682
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		25
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		137
P/E		6.3
EPS		1,450

	YTD	1T	3T	6T
MTS	3.5%	0.0%	-3.2%	7.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	649	578	12.3%
Tài sản ngắn hạn	584	495	17.8%
Tiền và tương đương tiền	27.4	24.6	11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	441	339	30.1%
Hàng tồn kho	111	125	-10.7%
Tài sản ngắn hạn khác	4.20	7.38	-43.1%
Tài sản dài hạn	65.1	82.3	-20.9%
Phải thu dài hạn	0.05	0.18	-74.3%
Tài sản cố định	55.7	62.8	-11.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.14	9.29	-87.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	8.21	10.0	-18.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	466	401	16.2%
Nợ ngắn hạn	444	389	14.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	154	119	29.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	229	219	4.7%
Nợ dài hạn	22.3	12.0	85.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.3	12.0	85.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	176	3.4%
Vốn chủ sở hữu	182	176	3.4%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,026	1,084	1,065	893	1,090
Giá vốn hàng bán	975	1,039	997	857	1,040
Lợi nhuận gộp	51.1	45.4	68.1	36.0	50.7
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Chi phí TC	1.87	2.41	1.84	2.52	3.07
Chi phí lãi vay	1.82	2.41	1.84	2.52	3.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	27.5	29.0	45.9	19.6	13.5
Chi phí QLDN	15.6	8.16	14.2	21.8	27.1
LN thuần từ HĐKD	6.11	5.79	6.10	-7.95	7.10
Lợi nhuận khác	-0.30	-0.22	0.66	15.2	0.87
LN trước thuế	5.81	5.57	6.76	7.27	7.97
Lợi nhuận sau thuế	4.62	4.45	5.30	5.73	6.26
LNST của CĐ cty mẹ	4.62	4.45	5.30	5.73	6.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.7	24.3	8.44	-113	51.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.78	-7.07	-0.70	12.4	-7.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-79.3	29.7	-42.9	85.6	-37.9
Tiền đầu kỳ	34.0	24.6	71.5	36.4	21.2
Lưu chuyển tiền thuần	-9.39	46.9	-35.2	-15.2	6.20
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	24.6	71.5	36.4	21.2	27.4

(Nguồn: fireant.vn)